

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

CCCD: 019089013300 ngày cấp 11/8/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Nơi cư trú: Xóm Q, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Lý Thị D, sinh năm 1993

CCCD: 006193011372 ngày cấp 8/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Nơi cư trú: Xóm Q, xã P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị D nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 11/11/2019; Nguyễn Thị Thùy T1, sinh ngày 9/12/2017; Nguyễn Thị Hương T2, sinh ngày 7/01/2015.

Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Thị Thùy D1 và Nguyễn Thị Thùy T1; chị D trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Nguyễn Thị Hương T2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn anh T và chị D không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả anh T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000195 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 1 – Thái Nguyên;
- Thi hành DS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Bình, Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thanh Nhân

